

KHẢO SÁT SỰ TỒN TẠI CỦA CÁ HEO NƯỚC NGỌT (*Orcaella brevirostris*) Ở LƯU VỰC SÔNG MÊKÔNG CỦA VIỆT NAM

Isabel Beasley¹, Lê Xuân Sinh², Amanda Hodgson¹

ABSTRACT

This study was undertaken by the researchers of James Cook University (Australia) and Cantho University (Vietnam), in collaboration with the Vietnamese Department of Fisheries. Surveys were carried out throughout the Vietnamese Mekong River from 5-13 May 2005, covering a total of 486.3 km of boat survey in 42.25 hours. Interviews using the questionnaires were conducted with 84 elderly people and fishermen alongsides of Tien and Hau rivers. A total of 3,062 boats were observed, averaging 7 boats/ km. The most numerous boats were cargo (43%), fishing boats (23.9%), and long-tail (15%). There are very high levels of boat traffic and fishing activities throughout the upper Vietnamese River system. River dolphins were reportedly regularly sighted by local villagers before the 1970s. During the surveys, no dolphins were sighted, one whale skeleton and one photograph of a dead Irrawaddy dolphin were observed. It appears that Mekong River Irrawaddy dolphins are now locally extinct from the Vietnamese Mekong.

The main causes of decline of Irrawaddy dolphins in the Vietnamese Mekong River were recorded as: (1) accidental catch in gillnets, (2) over-fishing, (3) being shot or bombed, (4) directly caught in seine nets by Muslims, (5) electric fishing, and (6) siltation and pollution of critical habitats. Local people have a very favorable attitude towards conserving natural aquatic resources including Irrawaddy dolphins in Vietnamese Mekong due to their benefits. The frequent reports of Irrawaddy dolphins around Hau estuary representing a resident population that needs to be given further studies.

Keywords: *River Irrawaddy dolphins, Mekong river, Vietnam*

Title: *Investigating the occurrence of Mekong Irrawaddy dolphins (*Orcaella brevirostris*) in Vietnam*

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện bởi các thành viên của Đại học James Cook và Đại học Cần Thơ với sự hợp tác của các Chi cục Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản của các tỉnh. Việc khảo sát được thực hiện từ ngày 5-13 tháng 5/2005, trải dài trên 486,3 km đường sông với 42,25 giờ tàu chạy. Có 84 người cao tuổi và người đánh bắt cá tôm dọc sông Tiền và sông Hậu được phỏng vấn bằng cách sử dụng bảng câu hỏi soạn sẵn. Một số lượng 3.062 tàu ghe đã được đếm với mật độ bình quân 7 chiếc/km. Nhiều nhất là tàu ghe vận tải (hàng hoá và hành khách) chiếm 43% kể đến là các phương tiện khai thác thủy sản (23,9%) và thứ 3 là xuồng đuôi tôm (15%). Mật độ tàu thuyền và phương tiện khai thác dày đặc hơn ở các đoạn sông phía trên. Cá heo nước ngọt được người dân cho biết thường thấy xuất hiện nhiều trước những năm 1970s. Trong nghiên cứu này, không thấy con cá heo nào mà chỉ tìm thấy một bộ xương cá voi và một tấm hình chụp một con cá heo tiền trưởng thành. Có vẻ như loài cá này đã biến mất khỏi lưu vực sông Mêkông của Việt Nam.

¹ James Cook University – Australia.

² Khoa Thủy sản – Đại học Cần Thơ.

Các nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng suy kiệt của cá heo nước ngọt ở lưu vực sông Mêkông của Việt Nam bao gồm: (1) bị vướng lưới một cách ngẫu nhiên, (2) khai thác thủy sản quá mức, (3) bị bắn hoặc bom trong chiến tranh, (4) bị người Hời săn bắt bằng lưới, (5) việc khai thác thủy sản bằng điện và (6) sự bồi lắng phù sa hoặc ô nhiễm ở những khu vực sinh sống trước đây của cá heo. Người dân vùng ven sông Mêkông của Việt Nam có mong muốn bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản bao gồm cả cá heo nước ngọt vì các lợi ích của chúng đối với cộng đồng. Các thông tin về cá heo ở vùng gần cửa sông Hậu thể hiện sự xuất hiện thường xuyên của một nhóm cá heo và cần được nghiên cứu thêm.

Từ khóa: Cá heo nước ngọt, sông Mêkông, Việt Nam.

1 GIỚI THIỆU

Cá heo nước ngọt trên sông Mêkông có tên tiếng Anh là Mekong Irrawaddy dolphins (*Orcaella brevirostris*) và còn được người dân vùng ven sông Tiền và sông Hậu của Việt Nam gọi là “Ông Nược”. Đây là một loài thú nhỏ sống ở nước, có chiều dài 200-275 cm và trọng lượng 100-250 kg. Chúng có 5 phân nhóm phân bố theo các vùng địa lý khác nhau, từ phía Tây là vịnh Belgal tới phía Đông là Palawan (Philippines) và xuống phía Nam tới vùng ven biển miền nam Sulawesi (Indonesia). *Orcaella* cũng được biết có xuất hiện ở Australia/Papua New Guinea, nhưng đã được xác định gần đây chính là một loài mới - Australian Snubfin dolphin, *Orcaella heinsohni* (Beasley & ctv. 2002, 2005).

Irrawaddy dolphins ở khu vực Đông Nam Á có thể gồm 3 phân nhóm phân bố ở các vùng gần cửa sông của 3 hệ thống sông chính: 1- Ayeyarwaddy (Myanmar), 2- Mekong (Nam Lào, Cambodia và Việt Nam) và 3- Mahakam (Indonesia). Chúng cũng xuất hiện ở hai hệ thống hồ/vịnh: hồ Chilika (India) và hồ Songkhla (Thailand). Irrawaddy dolphins được Hội Bảo tồn Quốc tế (World Conservation Union, IUCN) liệt kê là “*Không đủ tư liệu*”. Tuy nhiên, quần thể của chúng ở các sông và hồ/vịnh trên đây đã được liệt vào danh sách những loài có nguy cơ cao trong Phụ lục I của Quy ước về Thương mại Quốc tế đối với các loài có nguy cơ tuyệt chủng (Convention on International Trade in Endangered Species, CITES). Năm 2004 chỉ còn khoảng 150 con, nhưng tỷ lệ chết khá cao (18 con).

Phân bố mang tính lịch sử của Irrawaddy dolphins trên sông Mêkông trải từ biên giới Lào/Cambodia tới (kể cả hồ Tonle Sap) giáp biên giới với Việt Nam. Nghiên cứu về nơi sinh sống của loài cá này trong khu vực được lần đầu tiên thực hiện ở đoạn sông Mêkông thuộc Cambodian năm 1968 bởi Lloze (1973). Hai bộ xương cá heo nước ngọt được báo cáo là có hiện diện ở hồ Tonle Sap và khu vực hạ lưu của đoạn sông Mêkông thuộc Cambodia. Vì điều kiện chiến tranh nên nghiên cứu ở khu vực sông Tiền và sông Hậu của Việt Nam đã không được thực hiện. Tana (1994) đã tiến hành một cuộc khảo sát phần phía trên của đoạn sông thuộc Cambodia vào đầu những năm 1990s. Sau đó một cuộc khảo sát bằng ghe tàu và phỏng vấn cũng được thực hiện bởi Baird trong năm 1996 (Baird & Beasley, 2005). Những nghiên cứu ban đầu về một nhóm nhỏ cá heo nước ngọt được triển khai trong giai đoạn 1992-1997 tại khu vực giáp ranh Lao/Cambodia (Baird & Mounsouphom 1994, 1997; Baird & ctv. 1994; Stacey, 1996).

Năm 2001, Dự án “Bảo Tồn Cá Heo Sông Mêkông” (MDCP) được triển khai trên toàn bộ đoạn sông Mêkông thuộc địa phận Cambodia. Những nghiên cứu này đã xác định được rằng khu vực sinh sống chủ yếu của Irrawaddy dolphins hiện nay có chiều dài khoảng 190 km, từ Kratie lên tới giáp biên giới Cambodia/Lào. Chúng cũng đôi khi có di chuyển xuống vùng hạ lưu sông vào mùa mưa. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào đối với loài cá này được thực hiện xa xuống phía nam, thuộc phần sông Mêkông của Việt Nam trong khi thông tin về chúng ở địa phận của Việt Nam là rất hiếm hoi. Vì vậy, Đại học James Cook University (Mekong Dolphin Conservation Project) và Khoa Thủy sản - Đại học Cần Thơ, được tài trợ bởi The World Conservation Union (IUCN) và Mekong Wetlands Biodiversity Project (MWBP) đã thực hiện một cuộc khảo sát trong năm 2005 nhằm làm cung cấp thêm các thông tin về loài cá heo nước ngọt/ông Nược ở vùng hạ lưu sông Mêkông thuộc Việt Nam, nếu thấy có xuất hiện thì tìm hiểu các biện pháp bảo vệ.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cuộc khảo sát đã được thực hiện dọc hai nhánh sông Tiền và Hậu từ ngày 5 đến 13/5 2005. Các khâu nhập, phân tích, xử lý số liệu và viết báo cáo được thực hiện từ tháng 5 tới tháng 8/2005. Để khảo sát ngoài hiện trường, một ghe cào lớn (22 CV) đã được nhóm nghiên cứu sử dụng để di chuyển và thực hiện công tác quan sát, đo đạc trên sông cũng như phỏng vấn người dân ven sông. Chòi trên nóc ghe cào để ngồi quan sát cao khoảng 3m so với mặt nước. Ghe cào được điều khiển với tốc độ bình quân 11 km/h. Mực nước sông thường xuyên sâu hơn 5 m. Bề rộng sông dao động từ 450 m nơi gần biên giới Cambodia tới khoảng 2 km phía hạ lưu gần cửa sông.

- (a) Mỗi 30 phút, ghe cào được dừng lại một lần để đo các chỉ tiêu như: tọa độ của ghe, tình trạng mặt sông và khả năng quan sát, độ sâu, nhiệt độ, pH, độ mặn của nước sông, Các thông số được ghi chép vào bảng được định dạng sẵn. Hai máy GPS, một máy đo các chỉ tiêu môi trường nước, một máy đo độ sâu và dụng cụ đo độ trong của nước được sử dụng.
- (b) Việc đếm tàu ghe để đánh giá mật độ và loại phương tiện di chuyển có thể gây ảnh hưởng tới cá heo được thực hiện đối với những phương tiện đang di chuyển trên mặt sông đúng vào thời điểm chúng đi ngang qua đường vuông góc với hai bên chiếc ghe của nhóm nghiên cứu (ngoại trừ hàng đày và tàu khai thác cát là cố định). Các loại phương tiện được phân nhóm thành: xuồng đuôi tôm, xuồng chèo, xuồng câu, xuồng chài, xuồng giang lưới bển, ghe cào, lưới kéo, hàng đày, tàu khai thác cát, tàu ghe cao tốc và vận tải.
- (c) Bảng câu hỏi soạn sẵn được sử dụng để phỏng vấn được 84 người dân (người lớn tuổi ở ven sông và những người làm nghề khai thác thủy sản) sống dọc hai bên bờ sông Tiền và sông Hậu là công việc được thực hiện bằng cách dừng ghe cào cứ sau mỗi 2 lần đo các chỉ tiêu môi trường (sau mỗi giờ di chuyển hay 10-12 km).

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Quan sát

Chuyến khảo sát được thực hiện trong suốt 9 ngày từ 5 – 13 tháng 5 năm 2005. Tổng chiều dài các đoạn sông mà nhóm nghiên cứu đi qua là 486,3 km trong khoảng thời gian 42,25 giờ ghe cào di chuyển. Tuy nhiên, không quan sát thấy sự xuất hiện của bất cứ một cá heo nước ngọt nào.

Bảng 1: Các thông số về môi trường và chuyến đi theo từng đoạn sông

Ngày	Các đoạn sông	Thời gian (mins)	Khoảng cách (km)	Vận tốc tr. bình (km/h)	Độ sâu sông (m)	Nhiệt độ (°C)	Độ trong (cm)	pH	Độ mặn (ppt)
5/5	Cần Thơ-Long xuyên	276	52,7	12,46	18,35	31,9	77	8,11	0,1
6/5	Long Xuyên-Châu Phú	285	49,9	11,3	14,95	32,1	91,3	8,33	0,1
7/5	Châu Phú-Hồng Ngự	317	58,2	11,26	12,62	32,28	83	8,52	0,1
8/5	Hồng Ngự-Biên giới	180	35,3	11,78	19,25	31,5	99,4	8,57	0,1
9/5	Hồng Ngự-Cao Lãnh	313	65,9	12,03	12,6	31,3	92,3	9	0,1
10/5	Cao Lãnh-Vĩnh Long	311	57,2	11,33	13,14	31,8	64,5	8,11	0,2
11/5	Vĩnh Long-Trà Vinh	292	54,5	10,99	15,2	32,5	45	7,6	1
12/5	Trà Vinh-Đại Ngãi	381	72,4	11,69	11,68	31,5	30	8,1	2,7
13/5	Đại Ngãi-Cần Thơ	180	40,2	13,57	11,69	31,3	30	8,2	0,3
9 ngày		2535	486,3	11,82	14,39	31,80	68,06	8,28	0,52

3.2 Đếm tàu thuyền

Tổng số 3.062 ghe tàu đang di chuyển và hàng đáy được ghi nhận, mật độ bình quân 7 ghe tàu hay phương tiện/km. Phổ biến nhất là ghe tàu vận tải (chuyên chở hàng hóa và hành khách) với 42,8%. Các phương tiện khai thác thủy sản tuy không nhiều nếu tính riêng từng loại, nhưng nếu tính tổng cộng tất cả các loại thì những phương tiện khai thác thủy sản này chiếm vị trí thứ 2 với 23,9%. Đứng hàng thứ 3 là xuồng đuôi tôm và xuồng chèo dùng cho việc đi lại trong khoảng cách gần của các gia đình thuộc các cụm dân cư vùng sông nước (cả hai loại chiếm 21,4%).

Bảng 2: Tàu thuyền di chuyển và phương tiện khai thác trên sông trong thời gian khảo sát

Loại tàu thuyền	Số lượng	% trong tổng số
Xuồng đuôi tôm/gắn máy	473	15.4
Xuồng chèo	185	6
Xuồng câu	60	2
Xuồng chài	37	1.2
Xuồng giang lưới bện	180	5.9
Ghe cào	210	6.9
Ghe kéo lưới rê	52	1.7
Hàng đáy	190	6.2
Tàu ghe khai thác cát	248	8.1
Phà & tàu cao tốc	12	0.4
Ghe tàu vận tải	1311	42.8
Các loại khác	104	3.4

Mật độ tàu ghe và phương tiện hoạt động trên sông được đánh giá là cao, mặc dù có ít tàu xuồng ở vùng cửa sông hơn ở vùng phía trên giáp biên giới Cambodia.

Mật độ dày của các phương tiện giao thông thủy và các khu sản xuất công nghiệp ở các đoạn sông phía trên có lẽ đã không còn thích hợp cho những nơi cư trú của cá heo trước kia, đặc biệt là ảnh hưởng tới khả năng liên lạc bằng âm thanh của chúng. Đồng thời, mật độ cao của các phương tiện khai thác thủy sản cũng là những tác nhân gây rối loạn trong quá trình di chuyển của cá heo và không ngoại trừ việc một số trong chúng đã vướng lưới như là bất ngờ lâm nạn. Đáng lưu ý là sự hoạt động của các ghe cào điện, nhiều nhất và nguy hiểm nhất là về ban đêm, chính là những mối đe dọa to lớn đối với nguồn lợi thủy sản trên sông rạch và với cá heo.

3.3 Phỏng vấn người dân sống dọc hai bên bờ sông Tiền và sông Hậu

Tổng cộng 84 người dân đã được phỏng vấn về các thông tin liên quan tới cá heo. Toàn bộ khoảng sông nghiên cứu được chia ra làm 4 đoạn: (1) đoạn phía trên sông Hậu (Thành phố Cần Thơ tới biên giới Cambodia), (2) đoạn phía dưới sông Hậu (Thành phố Cần Thơ tới Long Phú-Sóc Trăng), (2) đoạn phía trên sông Tiền (Thị xã Vĩnh Long tới biên giới Cambodia phía sông Tiền) và (4) đoạn phía dưới sông Tiền (Thị xã Vĩnh Long tới Thị xã Trà Vinh).

Những người đàn ông trung niên và cao tuổi đã từng và hiện đang sống dọc hai bên ven sông cũng như những người làm nghề khai thác thủy sản trên sông lớn là nhóm mục tiêu của việc phỏng vấn. Giả định rằng đây là nhóm có thể giúp cung cấp những thông tin tốt nhất về cá heo nước ngọt hay Ông Nước.

Bảng 3. Thông tin cơ bản về người dân được phỏng vấn ở lưu vực sông Mêkông của Việt Nam

Đoạn sông	Số người được phỏng vấn	Tuổi bình quân (năm)	Thời gian b.q đã ở chỗ hiện nay (năm)	Đã từng thấy cá heo (sống hoặc chết)
Phía trên sông Hậu	20	49.5	43	10 (50%)
Phía dưới sông Hậu	29	59	48	20 (69%)
Phía trên sông Tiền	20	54.1	33	11 (55%)
Phía dưới sông Tiền	15	46.7	40	15 (100%)

Phần lớn những người được phỏng vấn ở 2 đoạn sông phía trên của sông Tiền và sông Hậu đều chưa từng thấy cá heo trong khu vực sông mà họ đang sinh sống (50-69%). Đáng ngạc nhiên là 100% số hộ được phỏng vấn ở đoạn phía dưới sông Hậu đã từng thấy loài cá này. Đồng thời, sự xuất hiện của cá heo, nếu có, thường là vào mùa mưa. Rất có thể là do chúng xuôi dòng từ Cambodia xuống theo nước lũ với các bầy cá con làm thức ăn.

Bảng 4. Thời điểm gần đây nhất người dân ở lưu vực sông Mêkông của Việt Nam nhìn thấy cá heo

Đoạn sông	< 5 năm	5-9 năm	> 10 năm	Lần cuối	Mùa khô	Mùa mưa
Phía trên sông Hậu	0	0	10	1965-1994	4 (20%)	9 (45%)
Phía dưới sông Hậu	4	1	14	1960s-2005	5 (17%)	17 (59%)
Phía trên sông Tiền	1	1	9	1952-2003	5 (25%)	8 (40%)
Phía dưới sông Tiền	11	3	1	1969-2005	9 (60%)	14 (93%)

Mặc dù có nhiều người dân được phỏng vấn cho biết họ đã từng nhìn thấy cá heo trên sông, nhưng hầu hết trong số họ trong những năm gần đây không còn nhìn thấy chúng nữa. Ở 2 đoạn sông phía trên, gần như chỉ thấy chúng xuất hiện từ trên

10 năm về trước. Có 4 người dân đã thấy cá heo ở khu vực gần biên giới Cambodia vào năm 2002-2003, có thể đây là con sau đó bị bắt như báo cáo của Chung và Hồ (2002). Ở đoạn phía dưới sông Hậu, người dân nhìn thấy cá heo thường xuyên hơn, nhưng cần xác định rõ là Ông Nược hay cá heo nước mặn từ biển vào. Có thể đánh giá chung là cá heo nước ngọt hầu như chỉ xuất hiện nhiều và được thấy ở lưu vực sông Mêkông của Việt Nam từ 10 năm về trước.

Bảng 5. Nhận thức của người dân về số lượng cá heo nước ngọt ở lưu vực sông Mêkông của Việt Nam

Đoạn sông	Tăng	Giảm	Không đổi	Không biết
Phía trên sông Hậu	0	18 (90%)	0	2 (10%)
Phía dưới sông Hậu	0	26 (90%)	0	3 (10%)
Phía trên sông Tiền	0	17 (85%)	0	3 (15%)
Phía dưới sông Tiền	1 (7%)	12 (80%)	2 (13%)	0

Thông qua việc trực tiếp quan sát và kết quả phỏng vấn có thể nhận định rằng: hầu hết người dân ven sông lớn của ĐBSCL tin tưởng là số lượng cá heo đã bị suy giảm một cách nghiêm trọng, nếu không nói là đã biến mất hoàn toàn. Ngay cả những người đôi khi còn nhìn thấy cá heo cũng cho rằng số lượng của chúng đã sụt giảm rất nhiều. Một vài cá heo gần đây còn được nhìn thấy đi lẻ bầy, có thể là do lạc bầy ở vùng Cambodia/Lào và di chuyển xuống vùng hạ lưu vào mùa mưa với nhiều lý do

Các nghiên cứu trước đây của Smith & ctv (1995, 1997) cũng đều không tìm thấy cá heo nước ngọt trong khu vực ĐBSCL. Tuy nhiên, việc xuất hiện với tần suất cao của cá heo ở vùng cửa sông Hậu cần được nghiên cứu thêm, và không ngoại trừ khả năng đây là các bầy cá heo nước mặn ngoài biển theo thủy triều vào sâu trong đất liền – trùng vào những thời điểm mùa khô khi sự xâm nhập mặn là đáng kể.

Khi đặt câu hỏi với 4 chọn lựa “Ông/bà nghĩ rằng cá heo nước ngọt/hay ông Nược giống với sinh vật nào? Cá, con người, chim hay cá sấu?”, kết quả thật bất ngờ với đa số người dân được phỏng vấn cho rằng đây là loại sinh vật gần giống với con người, chúng rất gần gũi và thân thiện với con người. Quan niệm này đặc biệt phổ biến với cộng đồng cư dân dọc hai bên sông của đoạn phía trên sông Hậu. Số khác nghĩ đơn thuần chúng là một loài cá và 23% còn lại không trực tiếp thấy và cũng không nghe kể về chúng nên không phân biệt được. Không có ai cho rằng cá heo nước ngọt giống chim hoặc giống cá sấu.

Bảng 6. Nhận thức về cá heo và lần cuối gặp cá heo chết ở lưu vực sông Mêkông của Việt Nam

Đoạn sông	Giống các loài cá khác	Giống với con người	Chưa từng nhìn thấy cá heo chết	Đã từng nhìn thấy cá heo chết	Lần cuối cùng nhìn thấy cá heo chết
Phía trên sông Hậu	1 (6%)	15 (94%)	14 (70%)	6 (30%)	1950-1995
Phía dưới sông Hậu	13 (52%)	12 (48%)	22 (74%)	7 (24%)	1950-1998
Phía trên sông Tiền	8 (44%)	10 (56%)	16 (80%)	4 (20%)	1969-2004
Phía dưới sông Tiền	7 (47%)	8 (53%)	9 (60%)	6 (40%)	1975-2003

Không quá ¼ số người được phỏng vấn có thấy cá heo chết. Hầu hết các trường hợp này đều thuộc khu vực 2 đoạn sông phía dưới của cả sông Tiền và sông Hậu. Hầu hết những người thấy cá heo chết đều không biết chúng bị chết do những lý do gì. Những nguyên nhân được biết là do bom đạn thời chiến tranh trước đây hoặc sau này là do vướng lưới.

Bảng 7. Lý do gây chết cho cá heo ở lưu vực sông Mêkông của Việt Nam

Đoạn sông	Lưới bắt cá	Bị bắn/ bom	Không biết
Phía trên sông Hậu	4 (66.6%)	1 (16.6%)	1 (16.6%)
Phía dưới sông Hậu	0	3 (43%)	4 (57%)
Phía trên sông Tiền	0	1 (25%)	3 (75%)
Phía dưới sông Tiền	4 (66.6%)	1 (16.6%)	1 (16.6%)

3.4 Nguyên nhân suy giảm về số lượng cá heo ở lưu vực sông Mêkông

Smith & ctv (1997) đã lý giải cho việc ít xuất hiện của cá heo ở lưu vực sông Mêkông như là hậu quả của chiến tranh nên không phục hồi được bầy đàn. Cũng nhiều khi do cá heo ham săn mồi gặp phải mật độ phương tiện khai thác thủy sản dày đặc nên có thể bị vướng lưới và chết nhiều trong khi tốc độ sinh sản của chúng là rất chậm.

Trong cuộc khảo sát này có 6 nguyên nhân làm sụt giảm hay biến mất của cá heo được người dân đề cập tới. Quan trọng nhất là do khai thác thủy sản quá mức, nhất là các biện pháp khai thác mang tính chất hủy diệt như dùng điện (sự tàn phá của ghe cào điện được báo cáo thường xuyên ở mọi nơi). Với 2 đoạn sông phía trên, người dân còn cho biết nhiều cá heo bị săn bắt bởi những người theo đạo Hồi để dùng như là một vị thuốc. Nhiều người cho rằng loài cá này chủ yếu di chuyển từ Cambodia xuống các đoạn sông Mêkông của Việt Nam và một khi bị săn bắt thì chúng quay trở về vùng sông nước thuộc Cambodia. Như vậy, cũng như Smith & ctv (1997) đã lý giải, thì việc suy giảm số lượng cá heo ở lưu vực sông Mêkông của Việt Nam có thể là sự tổng hợp của tất cả các nguyên nhân được đề cập tới. Tuy nhiên sự suy giảm số lượng của chúng đáng kể nhất có thể là do số cá heo bị chết trong thời gian chiến tranh có ý nghĩa rất lớn đối với sự khôi phục quần đàn. Tana (1994) cho biết: quân Khmer Đỏ trước đây đã săn bắt cá heo ở Hồ Tonle Sap để dùng làm thực phẩm và dầu (ăn và thắp sáng?). Beasley & ctv (2003) đề cập tới việc săn bắn cá heo của người Đạo Hồi sau chiến tranh ở Cambodia để làm thực phẩm. Sự gia tăng mật độ tàu thuyền và các hoạt động của con người ở phần sông Mêkông của Cambodia cũng ngày càng giới hạn một cách có ý nghĩa đối với phạm vi sinh sống của cá heo nước ngọt. Ở phần lưu vực của ĐBSCL thuộc Việt Nam thì các hoạt động của con người trực tiếp ảnh hưởng tới các dòng sông, nhất là khai thác bừa bãi nguồn lợi thủy sản, chất thải trong sản xuất nông ngư nghiệp, công nghiệp và rác thải sinh hoạt (Sinh, 2005).

Bảng 8. Lý do suy giảm số lượng cá heo ở lưu vực sông Mêkông của Việt Nam

Đoạn sông	Bị mắc lưới	Đánh cá quá mức	Bị bắn/ bị bom	Phù sa/ Ô nhiễm	Người Hồi bắt	Đánh bắt bằng điện	Không biết
Phía trên sông Hậu	3 (15%)	5 (25%)	1 (5%)	1 (5%)	4 (20%)	5 (25%)	1 (5%)

Phía dưới sông Hậu	1 (7%)	3 (20%)	0	0	0	3 (20%)	8 (53%)
Phía trên sông Tiền	2 (9%)	3 (10%)	2 (9%)	4 (14%)	5 (17%)	7 (21%)	6 (20%)
Phía dưới sông Tiền	1 (5%)	1 (5%)	0	1 (5%)	1 (5%)	2 (10%)	14 (70%)

3.5 Sự cần thiết phải bảo tồn cá heo ở lưu vực sông Mêkông của Việt Nam

Các nghiên cứu trước đây và cũng qua cuộc khảo sát này đều cho thấy cộng đồng cư dân sống hai bên bờ sông Mêkông phụ thuộc rất nhiều vào nguồn lợi thủy sản cho cuộc sống hằng ngày của họ, nhất là vào mùa mưa lũ ở những vùng thuộc 2 đoạn sông phía trên của sông Tiền và sông Hậu. Toàn bộ những người được phỏng vấn đều cho rằng việc bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản là rất quan trọng đối với cộng đồng dân cư trong vùng ĐBSCL, vì đây là một nguồn quan trọng cả về cung cấp thực phẩm, giúp tăng thu nhập và tạo công việc làm.

Hầu hết những người được phỏng vấn cho rằng việc bảo tồn cá heo nước ngọt là cần thiết vì chúng là loài động vật có lợi, người dân thấy chúng thân thiện và muốn nhìn thấy chúng, đồng thời cũng vì cần để cho các thế hệ sau còn thấy được loài cá đặc biệt này. Số này chiếm tỷ lệ rất cao ở phía dưới của hai con sông (93-100% số người được phỏng vấn). Nhiều người trong số này cũng cho rằng vì ông bà xa xưa đã gọi là ông Nược, nếu bảo tồn được thì mang lại điều may mắn. Mặt khác, không có ai cho rằng cá heo là kẻ cạnh tranh cá tôm với họ. Nhiều người đánh cá trên sông cho biết: trước kia, nếu thấy cá heo xuất hiện thì việc đánh bắt cá tôm tự nhiên gặp nhiều thuận lợi hơn. Cần lưu ý rằng: ở một vài nước khác, du lịch trên sông và ngắm cá heo bơi đùa là một dịch vụ du lịch sinh thái hấp dẫn.

Một số ít người cho rằng việc bảo tồn không quan trọng vì họ không thấy có lợi ích gì từ loài cá này, có thể là do họ chưa từng thấy chúng hoặc do lo ngại loài cá này có thể phá hỏng lưới đánh cá của họ. Ở phía trên của hai con sông, một tỷ lệ thấp hơn của số người phỏng vấn cho rằng bảo tồn cá heo là cần thiết (chỉ 73-74% số người được phỏng vấn). Người dân vùng trên giáp Cambodia không chôn cất cá heo nếu chúng chết trôi dạt vào địa phương, họ thường cho đây là điềm xui và đẩy xác cá ra để nó trôi tiếp trên sông.

Bảng 9. Quan điểm của người dân đối với việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản và bảo tồn cá heo nước ngọt

Đoạn sông	Nguồn lợi thủy sản – quan trọng	Nguồn lợi thủy sản – không quan trọng	Cá Heo – quan trọng	Cá Heo – không quan trọng
Phía trên sông Hậu	20 (100%)	0	14 (74%)	5 (26%)
Phía dưới sông Hậu	15 (100%)	0	10 (100%)	0
Phía trên sông Tiền	29 (100%)	0	11 (73%)	4 (27%)
Phía dưới sông Tiền	20 (100%)	0	14 (93%)	1 (7%)

3.6 Tìm kiếm xác và mẫu vật cá heo ở lưu vực sông Mêkông của Việt Nam

Không có xác hoặc xương cá heo nước ngọt nào được tìm thấy trong cuộc khảo sát này. Nhưng nhóm khảo sát có được một tấm hình chụp cảnh người dân tại xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long chuẩn bị một bộ quan tài và cúng khấn trước khi mang chôn cất một con cá heo cái tiền trưởng thành bị vướng lưới và chết ngày 11/8/1997 tại đoạn sông này. Nó có trọng lượng 57kg, chiều dài là 180 cm, chu vi bề ngang chỗ lớn nhất (sau đầu) là 90 cm.

Một đền thờ được cho là thờ cá voi, nhưng có một số người dân địa phương gọi là ông Nược, được biết là ở khu vực con rạch đối diện ngang sông với chùa Long Thiên Tự của huyện Vũng Liêm thuộc tỉnh Vĩnh Long, giáp ranh với tỉnh Trà Vinh. Hiện vẫn còn một ngôi đền thờ có bộ xương cá Ông/ cá voi từ gần 100 năm ở sát bên ngôi chùa này. Đây có thể là Baleen whale hay Brydes whale (*Balanoptera edeni*). Smith & ctv (1997) cũng xác nhận việc chôn cất các cá voi và cá heo. Với người dân vùng ven biển và gần cửa các sông lớn, sau khi chôn cất cá voi hoặc cá heo bị chết được 3 năm, họ thường lập một lễ cải táng đào lấy xương và lập đền thờ để người dân trong cụm dân cư đó thờ phụng. Không có thông tin nào thể hiện người dân Việt Nam (không phải Đạo Hồi) dùng thịt cá heo như là một vị thuốc.

4 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

4.1 Kết luận

Cá heo sông Mêkông là một loài thú đặc biệt hiện chỉ còn số lượng rất ít (khoảng 150 con) và tỷ lệ chết khá cao (18 con trong năm 2004). Từ kết quả của cuộc khảo sát này và các nghiên cứu gần đây trong khu vực cho thấy cá heo nước ngọt hiện nay chủ yếu sinh sống trong phạm vi khoảng 190 km trên sông Mêkông từ Kratie tới biên giới Cambodia/Lào. Có thể kết luận rằng cá heo nước ngọt gần như đã biến mất khỏi lưu vực sông Mêkông của Việt Nam. Thành thạo có thể xuất hiện cá heo lẻ bầy di chuyển từ Cambodia xuống những đoạn sông Tiền và sông Hậu của Việt Nam, giáp với biên giới Cambodia. Sự xuất hiện của cá heo khá sâu trong cửa sông Hậu chưa được xác định là cá heo sông Mêkông hay cá heo nước mặn.

Việc bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản ở lưu vực sông Mêkông của Việt Nam là rất quan trọng cho cộng đồng dân cư và cho các thế hệ sau. Điều này mang các lợi ích cả về thực phẩm, công việc làm và thu nhập cũng như môi trường và du lịch. Việc bảo tồn cá heo nước ngọt (nếu còn hiện diện) ở vùng này cũng được cộng đồng dân cư ở đây cho là cần thiết, nhất là ý nghĩa về mặt xã hội, tín ngưỡng và tạo cơ hội cho các thế hệ sau còn được thấy loài cá đặc biệt này.

4.2 Đề xuất

Có hai đề xuất cơ bản sau đây được rút ra từ nghiên cứu này:

- Cần tiếp tục nghiên cứu về sự hiện diện và quần đàn của cá heo sông Mêkông cũng như xác và xương của chúng ở lưu vực sông Mêkông của Việt Nam.
- Cần nghiên cứu chi tiết hơn về các bầy đàn cá heo vùng cửa sông Hậu vì tuy còn thiếu thông tin nhưng đã được phản ánh là chúng xuất hiện nhiều.

CẢM TẠ

Xin chân thành cảm ơn sự tài trợ của IUCN Mekong Wetlands và Biodiversity Project (MWBK) đã tài trợ cho nghiên cứu này. Sự hợp tác của Đại học Cần Thơ, nhất là của ông Nguyễn Anh Tuấn (Hiệu Phó) cùng hai ông Hà Phước Hùng và Huỳnh Văn Hiền (hiện đang làm việc tại Khoa Thủy sản) được chúng tôi đánh giá rất cao. Nhóm nghiên cứu cũng ghi nhận sự phối hợp và giúp đỡ của Chi cục Bảo

vệ Nguồn lợi Thủy sản của các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Cần Thơ, Sóc Trăng và Trà Vinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Baird, I.G. & Mounsouphom, B. 1994. Irrawaddy dolphins in Southern Lao PDR and northeastern Cambodia. *Natural History Bulletin of the Siam Society* 42, 159-75.
- Baird, I.G., Mounsouphom, B. & Stacey, P.J. 1994. Preliminary surveys of Irrawaddy dolphins (*Orcaella brevirostris*) in Lao PDR and northeastern Cambodia. *Report of the International Whaling Commission* 44, 367-69.
- Baird, I.G. & Mounsouphom, B. 1997. Distribution, mortality, diet and conservation of Irrawaddy dolphins (*Orcaella brevirostris*) in Lao PDR. *Asian Marine Biology* 14, 41-48.
- Baird, I.G. & I.L. Beasley. 2005. Irrawaddy dolphin *Orcaella brevirostris* in the Cambodian Mekong River: an initial survey. *Oryx* 39(3): 301-310.
- Beasley, I.L. K. Robertson & P. Arnold (2002). Description of a new dolphin, the Australian Snubfin dolphin *Orcaella heinsohni* sp. N. (Cetacea, Delphinidae). *Marine Mammal Science* 21(3): 365-400.
- Beasley, I., Somany, P., Kin, S. & Sang, Y.S. 2003. Mekong Dolphin Conservation Project. Unpublished report submitted to James Cook University, Australia, Department of Fisheries, Cambodia, and the Wildlife Conservation Society, Cambodia Program.
- Chung, B.D. & Ho, D.T. 2002. A review of the results of the studies on marine mammals in Vietnamese waters. Unpublished report submitted to the Workshop on the Biology and Conservation of Small Cetaceans and Dugongs of Southeast Asia, Silliman University, Dumaguete City, Philippines 24-26 July, 2002.
- Lloze, R., 1973. *Contributions a L'etude Anatomique, Histologique et Biologique de l'Orcaella brevirostris (Gray -1866) (Cetacea-Delphinidae) du Mekong*. Thesis, l'Universite Paul Sabatier de Toulouse, France.
- Sinh, L.X. (2005). Management of natural aquatic resources in the freshwater areas of the Mekong Delta: can we adjust to a new situation? Paper presented at the national scientific workshop on "Protection of environment and natural aquatic resources" organised by the Ministry of Fisheries in Haiphong city, 14-15 January 2005. 17p.
- Smith, B., Jefferson, T., Ho, D. T., Leatherwood, S., Thuoc, C. V., Andersen, M. & Chiam, E. 1995. Marine mammals of Vietnam: a preliminary checklist. *Collection of Marine Research Works* VI: 147-176.
- Smith, B., Jefferson, T., Leatherwood, S., Tan Ho, D., Thuoc, C.V. and Quang, L.E. 1997. Investigations of marine mammals in Vietnam. *Asian Marine Biology*, 14: 145-172.
- Stacey, P.J. 1996. Natural history and conservation of Irrawaddy dolphins, *Orcaella brevirostris*, with special reference to the Mekong River, Laos PDR. M.Sc. Thesis, University of Victoria.
- Tana, T. S. 1995. In *Workshop on Biology and Conservation of Small Cetaceans in Southeast Asia*. Dumaguete, Philippines.